TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 9 - 2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Quỹ;
2. Ông NguyễnH Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng8 năm 2020 và Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 195/2020/TBXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Minh P, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp Đi, xã H, huyện Đ, TP. C.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp Đi, xã H, huyện Đ, TP. C.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trương Minh P trình bày: Anh Trương Minh P và chị Nguyễn Thị Mỹ L, qua thời gian quen biết, đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ lễ cưới và có

tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 31/3/2014. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là vào tháng 5 năm 2019, cháu TrươngH Đăng Kbị bệnh phải nằm viện điều trị bệnh, sau thời gian điều trị đến ngày 29/5/2019, thì cháu Khết bệnh thì gia đình anh P đến rước về thì chị L đã dẫn con đi không cho gia đình hay biết, đến ngày 04/6/2019 thì chị L gửi con lại nhà cô họ của chị L thì anh P và gia đình đến rước về nuôi dưỡng. Từ khi, bỏ đi đến nay, chị L có thỉnh thoảng về để thăm con, nhưng anh P và chị L không trao đổi hoặc nói chuyện với nhau, khi chung sống thì vợ chồng không có cự cãi, nhưng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, giữa chị L và mẹ chồng có sự mâu thuẫn trong đời sống làm dâu, anh P đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng không có kết quả. Do chị L tự ý bỏ đi, không muốn chung sống, anh P nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên anh P xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh P và chị L có 02 con chung là Trương Minh H (nam), sinh ngày 10/4/2014 và Trương Hoàng Đăng K(nam), sinh ngày 10/01/2017. Hiện nay 02 cháuH và Kdo anh P nuôi dưỡng, nên anh P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với chị L tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị L vẫn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về việc có mặt khi được Tòa án triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp ly hôn"* là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dụng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh P, Anh P được ly hôn với chị L;

Về con chung: Giao con chung là Trương Minh H (nam), sinh ngày 10/4/2014 và Trương Hoàng Đăng K(nam), sinh ngày 10/01/2017 cho anh P nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh P.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị L vắng mặt không có ý kiến đối chất về vấn đề này, nên tách thành vụ án để giải quyết, nếu sau này các đương sự phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trương Minh P và chị Nguyễn Thị Mỹ L, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh P có đơn xin ly hôn với chị L. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *"Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung"*.

Theo giấy xác nhận tình trạng cư trú của Công an xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ xác nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp Đi, xã H, huyện Đ, TP. C, anh P khai nhận chị L hiện đã bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn, nhưng thỉnh thoảng có về thăm gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, chị L vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền quản lý về cư trú, nên xác định chị L thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ.

Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đối với Chị L để tham gia phiên tòa, nhưng chị L vẫn vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh P và chị Nguyễn Thị Mỹ L,

tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và trong việc làm dâu thì giữa chị L và mẹ chồng có phát sinh mâu thuẫn anh P đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả, chị L đã tự ý bỏ nhà đi và không muốn chung sống với anh L. Tại biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự thì ghi nhận vào tháng 4 năm 2019 thì chị L tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa, không về chăm sóc chồng con, địa phương không năm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự, chỉ biết anh P là người đang nuôi dưỡng 02 con chung, chị L vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và thỉnh thoảng có về thăm nhà. Trong quá trình giải quyết vụ, mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị L vắng mặt không lý do. Bản thân chị L cũng không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hoặc văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh P. Điều đó, chứng tỏ chị L không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh P, mẫu thuẫn giữa anh P và chị L đã sâu sắc, trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được. Nên, yêu cầu xin ly hôn của anh P có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh P có yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Minh H (nam), sinh ngày 10/4/2014 và TrươngH Đăng K(nam), sinh ngày 10/01/2017, hai cháuH và Khiện do anh P nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chưa ghi nhận được về hoàn cảnh kinh tế, nơi ăn, ở của chị L có đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống của các con chung. Do đó, cần phải tạo điều kiện cho 02 cháuH và Kcó được sự ổn định mọi mặt về cuộc sống, ăn ở và học tập thì giao 02 cháuH và Kcho anh P nuôi dưỡng là phù hợp. Anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của các đương sự, nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị L vắng mặt không có ý kiến đối chất về vấn đề này, nên tách thành vụ án để giải quyết, nếu sau này các đương sự phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện.

[6] Về án phí: Anh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 192; Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 51; 56; 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin hôn của Trương Minh P với chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Về con chung: Anh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Minh H (nam), sinh ngày 10/4/2014 và TrươngH Đăng K(nam), sinh ngày 10/01/2017 đến tuổi trưởng thành. Anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị L, không ai được quyền ngăn cản.

Chị L không được quyền lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh P, nếu có thì anh P có quyền yêu cầu hạn chế việc thăm con của chị L.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Tách thành vụ án khác để giải quyết, nếu sau này các đương sự phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện.

Về án phí: Anh Trương Minh P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh P đã nộp theo biên lai số 013084 ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Anh Trương Minh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Mỹ L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thựa hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự,
- VKSND huyện Cờ Đỏ,
- Chi cục THA DS huyện Cờ Đỏ,
- UBND xã Đông Hiệp, H. Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Quốc Kiệt